

Số: /2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về Quản lý hoạt động vận tải hành khách
du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ Quy định về Quản lý hoạt động của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch;

Căn cứ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư 34/2019/TT-BGTVT ngày 06/9/2019 và Thông tư 59/2015/TT-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

80/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Liên Bộ Giao thông Vận tải - Văn hóa Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư 15/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư liên tịch 21/2013/TTLT-BGTVT-BTNMT ngày 22/8/2013 của liên Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài nguyên Môi trường Hướng dẫn về quản lý và Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư 47/2015/TT-BGTVT ngày 14/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định phạm vi, trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; Thông tư 04/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 47/2015/TT-BGTVT ngày 14/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số .../TTr-SGTVT ngày... và Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ... của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải; Văn hóa - Thể thao; Du lịch; Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận chuyển hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các bộ: GTVT, VH-TT, DL, TN-MT, CA;
- Cục KT VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở: GTVT, VH-TT, DL, TN-MT, CA;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP, các Phó CVP
- Lưu: VT, VH, DL, GT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Số: 2311 /SGTVT-QLVTPT
V/v lấy ý kiến góp ý Quyết định ban hành và
Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành
khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn
tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thừa Thiên Huế, ngày 09 tháng 12 năm 2019

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp;
- Sở Văn hoá – Thể thao;
- Sở Du lịch;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin – Truyền thông;
- Sở Tài nguyên – Môi trường;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Trung tâm Quản lý bến xe – thuyền TP.Huế;
- Các Doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải hành khách
du lịch ĐTNĐ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013 nhằm thể chế các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa và các văn bản liên quan về hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau thời gian gần 7 năm triển khai thực hiện trong thực tiễn, đã góp phần thúc đẩy nhanh sự phát triển của hoạt động giao thông vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên đến nay, một số văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để xây dựng Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh đã được bổ sung, thay thế, như: Luật Giao thông đường thủy nội địa; Luật Du lịch; Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư 20/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; Thông tư 25/2010/TT-BGTVT ngày 31/8/2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về Quản lý hoạt động của cảng, bến thủy nội địa. Do vậy, việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để thay thế Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được ban hành kèm theo Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND, nhằm hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật, giúp doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế dễ thực hiện là cần thiết.

Thực hiện Công văn số 7909/UBND-GT ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh về việc Thống nhất chủ trương triển khai xây dựng, hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý ngành giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải đã tiến hành xây dựng xong Dự thảo Quyết định “Ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” và Dự thảo “Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” (sau đây gọi là Dự thảo) thay thế Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và “Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” được ban hành kèm theo Quyết định 31/2012/QĐ-UBND ngày 27/9/2012 của UBND tỉnh.

Để tiếp tục hoàn thiện hơn Dự thảo, Sở Giao thông vận tải xin gửi nội dung Dự thảo (kèm theo) đến quý các cơ quan, doanh nghiệp, HTX kinh doanh vận tải hành khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để tham gia góp ý cho Dự thảo. Văn bản góp ý xin gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày **25/12/2019** để tổng hợp gửi Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Rất mong sự quan tâm của quý cơ quan, doanh nghiệp, HTX.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Thanh tra Sở;
- Phòng Quản lý Đào tạo và Sát hạch;
- Lưu: VT, QLVTPT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thành

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2019/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 12 năm 2019

QUY ĐỊNH

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH BẰNG PHƯƠNG
TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày .../.../2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

DỰ THẢO

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị kinh doanh vận tải du lịch bằng đường thủy nội địa là doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia kinh doanh vận tải bằng phương tiện thủy nội địa.

2. Phương tiện thủy nội địa là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

3. Tàu, thuyền du lịch là phương tiện thủy nội địa chuyên phục vụ khách du lịch trên đường thủy nội địa.

4. Tàu, thuyền lưu trú du lịch là tàu, thuyền du lịch có buồng ngủ, trên hành trình có neo lại để cho khách du lịch ngủ qua đêm, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, an ninh trật tự và các quy định khác của pháp luật; đảm bảo các tiêu chuẩn về thiết kế kiến trúc, trang thiết bị tiện nghi, dịch vụ và nhân lực theo Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9372:2012](#) về Tàu thủy lưu trú - xếp hạng.

5. Phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước là tàu, thuyền hoặc cấu trúc nổi khác được dùng để phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước có sức chở không quá 05 người và hoạt động trong vùng hoạt động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc công bố.

6. Cảng, bến khách du lịch đường thủy nội địa là cảng, bến thủy nội địa để phương tiện vận tải hành khách du lịch đường thủy neo đậu đón, trả khách và thực hiện các dịch vụ khác (nếu có).

7. Cảng, bến thuyền du lịch là cảng, bến thủy nội địa được quy định để phương tiện ra, vào đón, trả khách du lịch.

8. Phương tiện chuyên tải là phương tiện chở khách chuyên hoạt động chuyên tải và phục vụ cho tàu, thuyền du lịch; tàu, thuyền lưu trú du lịch trong vùng nước neo đậu của cảng, bến hoặc khu neo đậu.

9. Khu vực neo đậu là khu vực neo đậu tàu, thuyền được quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư liên tịch số [22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL](#) ngày 26/6/2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về đảm bảo an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

10. Chủ tàu, thuyền du lịch là tổ chức, cá nhân sở hữu phương tiện, được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa của phương tiện.

11. Chủ cảng, bến thủy nội địa là tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cảng, bến thủy nội địa hoặc được chủ đầu tư giao quản lý cảng, bến thủy nội địa.

12. Cảng vụ đường thủy nội địa là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa nhằm đảm bảo việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa và bảo vệ môi trường.

13. Ban Quản lý cảng, bến thuyền du lịch là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố nơi Ban Quản lý cảng, bến đặt trụ sở chính.

14. Đơn vị khai thác cảng, bến thủy nội địa là tổ chức, cá nhân sử dụng cảng, bến thủy nội địa để kinh doanh, khai thác.

15. Khách du lịch là người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, được vận chuyển bằng tàu, thuyền du lịch hoặc tàu, thuyền lưu trú du lịch.

16. Nhân viên phục vụ trên phương tiện là người làm việc trên phương tiện nhưng không phải là thuyền viên, người lái phương tiện.

17. Dịch vụ du lịch trên đường thủy nội địa là việc cung cấp các dịch vụ về vận chuyển, lễ hành, lưu trú, ăn uống, mua sắm, vui chơi giải trí và các dịch vụ liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, tham quan, lưu trú trên đường thủy nội địa.

18. Dịch vụ vui chơi giải trí là việc cung cấp các dịch vụ phục vụ các nhu cầu về vui chơi, giải trí bằng phương tiện vui chơi giải trí dưới nước (thủy phi cơ, chèo thuyền kayak, mô tô nước, lướt ván, nhảy dù, chèo ván,... và các hoạt động vui chơi, giải trí tương tự) nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi, giải trí của khách du lịch trên đường thủy nội địa.

Điều 4. Những hành vi bị cấm

Ngoài các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Giao thông đường thủy nội địa, Điều 9 Luật Du lịch; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế không được thực hiện các hành vi sau đây:

1. Đối với chủ phương tiện:

a) Sử dụng phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không đủ điều kiện quy định tại Quy định này vào vận tải hành khách du lịch trên đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và khách lưu trú trên thuyền;

b) Nhận chở khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và khách lưu trú trên phương tiện nhưng không có hợp đồng bằng văn bản, hoá đơn hoặc vé hành khách hợp lệ theo quy định tại Quy định này; thu tiền cao hơn giá niêm yết; thu tiền không có thỏa thuận, thông nhất trước với khách; thu tiền thấp hơn giá tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

c) Lập danh sách hành khách du lịch vận chuyển không đúng tên người, địa chỉ, số lượng người so với thực tế. Vận chuyển khách không đúng tên đã lập trong danh sách hành khách;

d) Có hành vi lừa đảo hoặc cấu kết với người khác để lừa đảo khách du lịch.

đ) Tự ý hoán cải, thay đổi kết cấu, tính năng, công dụng hoặc đóng mới phương tiện chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

e) Không bố trí đủ người làm việc trên phương tiện đảm bảo thực hiện các chức danh theo quy định. Bố trí thời gian làm việc của người lao động trái với Bộ Luật Lao động.

2. Đối với thuyền trưởng:

a) Tự ý đón, trả khách hoặc neo đậu ở bến, khu vực đậu đỗ, địa điểm chưa được công bố, cấp phép hoạt động, trừ trường hợp khẩn cấp, cứu nạn hoặc bất khả kháng;

b) Vận chuyển khách đi tham quan không đúng hành trình, tuyến, điểm tham quan đã được ghi trong hợp đồng. Không đưa khách đi đủ thời gian đã ký kết, thỏa thuận; tự ý cắt xén hành trình du lịch; thông đồng với người khác để ép khách du lịch mua hàng hóa, hàng lưu niệm, sử dụng dịch vụ với giá cao; trộm cắp tài sản của khách;

c) Điều khiển phương tiện lưu trú neo đậu không đúng vị trí quy định. Không khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch nghỉ đêm trên phương tiện với cơ quan chức năng theo quy định;

d) Nhận hoặc chuyển nhượng khách du lịch sang thuyền khác; bỏ khách du lịch tại điểm tham quan; chuyển tải khách trái quy định;

3. Chủ phương tiện, thuyền viên, người tham gia kinh doanh dịch vụ có các hành vi vi phạm nội quy, quy định của phương tiện, bến thuyền và các điểm du lịch...;

4. Chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và khách du lịch có hành vi liên quan đến tệ nạn xã hội, buôn bán hàng cấm, hàng giả hoặc vi phạm đạo đức, lối sống, tín ngưỡng, văn hóa... của người Việt Nam;

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ (ăn uống, đồ lưu niệm, sách báo...) có hành vi gian lận thương mại, ép khách hàng sử dụng dịch vụ, không niêm yết giá, không có thỏa thuận với khách hàng trước khi bán, thu tiền cao hơn giá niêm yết, hàng hóa không đảm bảo chất lượng, số lượng, không xuất hóa đơn theo quy định;

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, hoạt động của thuyền du lịch có hành vi hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu, tiêu cực, tự đặt ra các quy định, thủ tục giấy tờ, lệ phí, thu tiền... trái pháp luật và trái với Quy định này; lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trách nhiệm, có các biểu hiện ép buộc để gây khó khăn cho chủ phương tiện, thuyền viên và khách du lịch dưới mọi hình thức;

7. Các hành động xả thải trên các tuyến đường thủy nội địa dưới mọi hình thức;

8. Các hành vi khác trái với các quy định của pháp luật, trái với quy định này.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH DU LỊCH BẰNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 5. Quy định đối với kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa.

1. Đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số [110/2014/NĐ-CP](#) ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Nghị định số [168/2017/NĐ-CP](#) ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Điều 5, Điều 7 Thông tư số [42/2017/TT-BGTVT](#) ngày 15/11/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện của người điều khiển phương tiện, nhân viên phục vụ, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch; .

Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số [128/2018/NĐ-CP](#) ngày 24/9/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số [79/2014/NĐ-CP](#) ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số [66/2014/TT-BCA](#) ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số [79/2014/NĐ-CP](#) ngày 31/7/2014 của Chính phủ; Nghị định số [83/2017/NĐ-CP](#) ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số [08/2018/TT-BCA](#) ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2017/NĐ-CP](#) ngày 18/07/2017 quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số [42/2017/TT-BCA](#) ngày 20/10/2017 của Bộ Công an về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [96/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và các quy chuẩn quốc gia về phương tiện thủy nội địa và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

2. Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách du lịch bằng đường thủy nội địa phải được đóng mới hoặc hoán cải đúng quy định, theo mẫu được UBND tỉnh ban hành hoặc

được UBND tỉnh chấp thuận. Phương tiện phải được lắp thiết bị giám sát hành, đảm bảo kết nối với Trung tâm Giao thông thông minh của UBND tỉnh.

3. Máy chính lắp trên phương tiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa phải là máy thủy chuyên dụng, có từ 2 xi lanh trở lên, khoang máy riêng biệt và có biện pháp giảm rung, giảm ồn đúng quy định.

4. Đối với phương tiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa có tổ chức biểu diễn ca Huế phải tuân thủ và đảm bảo các điều kiện quy định tại Quyết định 51/2011/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động biểu diễn và tổ chức dịch vụ biểu diễn ca Huế trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các quy định hiện hành khác liên quan đến hoạt động biểu diễn nghệ thuật.

5. Phương tiện phải neo đậu tại các bến, nơi đậu đỗ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động. Có phương án bảo vệ môi trường; nhà vệ sinh tiêu chuẩn và có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải trên tàu, chất thải từ bể phốt nhà vệ sinh với cơ quan môi trường theo quy định.

6. Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền viên, người lái phương tiện và nhân viên phục vụ trên phương tiện được quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư liên tịch số [22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL](#) ngày 26/6/2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa; Thông tư 47/2015/TT-BGTVT ngày 14/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải Quy định phạm vi, trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; Thông tư 04/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 47/2015/TT-BGTVT ngày 14/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải; Điều 23, Thông tư số [50/2014/TT-BGTVT](#) ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 6. Quy định đối với khách du lịch

1. Thực hiện các quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật Du lịch.
2. Thực hiện các quy định về an ninh trật tự, nội quy an toàn hành khách và hướng dẫn thực hiện các biện pháp an toàn của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện.
3. Mua vé hành khách hoặc trả cước phí vận tải và thanh toán chi phí dịch vụ theo đúng thỏa thuận.
4. Khai đúng các nội dung khi chủ tàu, thuyền du lịch lập danh sách hành khách.
5. Có mặt tại nơi xuất phát đúng thời gian quy định hoặc đã thỏa thuận.
6. Không mang theo hành lý thuộc loại hàng hóa mà pháp luật cấm lưu thông, cấm vận tải chung với người.
7. Tuân thủ các nội quy về bảo vệ môi trường tại các bến cảng, trên các phương tiện thủy và những điểm đến du lịch; không xả các chất thải, rác thải xuống vịnh; không mang hóa chất độc hại, chất nổ, chất dễ gây cháy khi tham gia các hoạt động du lịch.

Điều 7. Quy định đối với tàu, thuyền du lịch; tàu, thuyền lưu trú; nhà hàng nổi và khách sạn nổi

1. Đối với tàu, thuyền du lịch và nhà hàng nổi:

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Đảm bảo phương tiện và trang thiết bị trong điều kiện hoạt động tốt, vệ sinh môi trường và chất lượng dịch vụ theo đúng quy định, chế độ thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 45, Điều 46, Điều 47 Luật Du lịch.

- Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư liên tịch số [22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL](#) ngày 26/6/2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

- Các hướng dẫn về an toàn và giá dịch vụ thể hiện bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và tiếng Anh.

- Xây dựng và thực hiện phương án phòng chống giông bão, chống đắm; phòng chống cháy nổ và cứu hộ cứu nạn tại chỗ.

- Niêm yết số điện thoại đường dây nóng của Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, Công an tỉnh và Ban quản lý bến thuyền du lịch theo quy định. Lập danh sách hành khách trên phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này, danh sách được lập thành 02 bản cho mỗi chuyến tàu, 01 bản giao cho Thuyền trưởng và 01 bản lưu tại Ban quản lý Bến thuyền du lịch nơi cấp phép rời cảng, bến trong 30 ngày.

2. Đối với tàu, thuyền lưu trú du lịch và khách sạn nổi:

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này. Đảm bảo phương tiện và trang thiết bị trong điều kiện hoạt động tốt, vệ sinh môi trường và chất lượng dịch vụ theo đúng quy định, chế độ thông tin liên lạc đảm bảo hoạt động 24/24 giờ.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về kinh doanh dịch vụ lưu trú tại Điều 25, Điều 44 Nghị định số [96/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 49 và Điều 53 Luật Du lịch; các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số [168/2017/NĐ-CP](#) ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; Điều 5 Nghị định số [142/2018/NĐ-CP](#) ngày 09/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số [22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL](#) ngày 26/6/2012 của liên Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

- Chủ tàu thủy lưu trú du lịch có trách nhiệm khai báo đăng ký tạm trú cho khách du lịch lưu trú với cơ quan Công an theo quy định tại Thông tư số [42/2017/TT-BCA](#) ngày 20/10/2017 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [96/2016/NĐ-CP](#) ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 8. Quy định về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch và xếp hạng tàu thủy lưu trú du lịch, nhà hàng nổi, khách sạn nổi

1. Biên hiệu phương tiện thủy nội địa vận tải khách du lịch do Sở Giao thông vận tải cấp theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 Nghị định số [168/2017/NĐ-CP](#) ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

2. Sở Du lịch xếp hạng:

- Tàu, thuyền lưu trú du lịch theo Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 9372:2012](#) về tàu thủy lưu trú - Xếp hạng; khách sạn nội theo Tiêu chuẩn quốc gia [TCVN 4391:2015](#) về Khách sạn - Xếp hạng;

- Nhà hàng nổi đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định tại Điều 9 Thông tư số [06/2017/TT-BVHTTDL](#) ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

3. Kết quả xếp hạng tàu, thuyền lưu trú du lịch dùng để xác định chất lượng dịch vụ của tàu, thuyền và là cơ sở để xây dựng đơn giá bán dịch vụ lưu trú nghỉ đêm và các loại hình dịch vụ khác trên phương tiện.

Điều 9. Quy định về cảng, bến khách du lịch

2. Quản lý hoạt động của cảng, bến khách du lịch: Đảm bảo các quy định tại Thông tư [50/2014/TT-BGTVT](#) ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa và Điều 4 Thông tư liên tịch số [22/2012/TTLT-BGTVT-BVHTTDL](#) ngày 26/6/2012 của Bộ Giao thông vận tải - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về bảo đảm an toàn giao thông trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Trách nhiệm của chủ cảng, bến: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số [50/2014/TT-BGTVT](#) ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 10. Cấp phép tàu vào, rời cảng, bến đón, trả khách

1. Giao Ban quản lý bến thuyền du lịch thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cảng vụ đường thủy nội địa theo quy định tại Chương V, Luật Giao thông đường thủy nội địa; Thông tư [83/2015/TT-BGTVT](#) ngày 30/12/2015 Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa. Căn cứ cấp tàu, vùng hoạt động, khả năng khai thác và bản tin dự báo thời tiết hiện tại do Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh cung cấp, Ban quản lý bến thuyền du lịch cấp phép cho phương tiện hoạt động. Trường hợp Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh có cảnh báo thời tiết nguy hiểm khi tàu, thuyền du lịch đang hành trình, Ban quản lý bến thuyền du lịch thông báo cho các đơn vị liên quan và chủ tàu, thuyền du lịch, thuyền trưởng biết để chủ động theo dõi diễn biến thời tiết.

2. Thực hiện việc kiểm tra và cấp phép phương tiện ra, vào bến theo quy định tại Thông tư số [50/2014/TT-BGTVT](#) ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa.

Điều 11. Quy định về không cấp phép rời cảng, bến

Ban quản lý bến thuyền du lịch từ chối cấp phép rời cảng, bến cho tàu, thuyền du lịch hoạt động trong các trường hợp sau:

1. Khi thời tiết có diễn biến xấu phức tạp theo thông báo của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn tỉnh và khi điều kiện thời tiết có cấp gió vượt quá mức cho phép đối với cấp kỹ thuật của tàu.

2. Khi có quyết định hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm của thuyền viên, nhân viên trên tàu du lịch hoặc chủ tàu du lịch.

3. Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III **DỊCH VỤ VUI CHƠI GIẢI TRÍ**

Điều 12. Quy định đối với đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác

Ngoài việc đáp ứng các quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước; Điều 11, Điều 12 Thông tư số [06/2017/TT-BVHTTDL](#) ngày 15/12/2017 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; các đơn vị kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí dưới nước còn phải đáp ứng các quy định sau:

1. Thực hiện các quy định tại Khoản 1 và Khoản 5 Điều 17 Quy chế này.

2. Nhân viên phục vụ phải được đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc về kiến thức nghiệp vụ du lịch, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.

3. Có biện pháp bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tinh thần và vật chất cho người sử dụng dịch vụ. Phải chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra sự cố mất an toàn, an ninh.

4. Có thiết bị thông tin liên lạc phù hợp, radio theo dõi thời tiết; trang thiết bị an toàn, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, để ở vị trí thuận tiện cho việc sử dụng.

5. Lắp đặt hệ thống phao neo, cờ hiệu giới hạn vùng nước được hoạt động để phân biệt khu vực hoạt động dịch vụ với các khu vực khác. Cảnh báo các nguy hiểm, rủi ro có thể xảy ra cho khách du lịch; thông báo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền khi có tai nạn xảy ra.

6. Trang bị xuồng cứu hộ thường trực và đảm bảo hoạt động trong suốt quá trình tổ chức kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác.

7. Có tủ thuốc, túi thuốc, dụng cụ y tế và thuốc thông thường theo danh mục của Sở Y tế quy định để chữa trị, sơ cứu khi có tai nạn xảy ra; có bảng khuyến cáo về an toàn, sức khỏe đối với khách du lịch và đặt ở nơi dễ nhìn thấy.

Điều 13. Quy định đối với khách du lịch sử dụng dịch vụ vui chơi giải trí và dịch vụ liên quan khác

1. Trong quá trình sử dụng các dịch vụ, khách du lịch cần tuân thủ các quy định và thực hiện đúng yêu cầu của người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ với từng từng loại hình vui chơi, giải trí và dịch vụ liên quan khác.

3. Chịu trách nhiệm về những hậu quả từ việc không tuân thủ nội quy, hướng dẫn của người hướng dẫn, nhân viên phục vụ, nhân viên cứu hộ, cứu nạn.

Điều 14. Những hành vi không được thực hiện trong kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí dưới nước

1. Tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tạo ra trò chơi mang tính chất cờ bạc, có giải thưởng bằng tiền.
3. Tổ chức các dịch vụ vui chơi giải trí khi có giông bão, thời tiết bất thường hoặc trong các điều kiện mà các cơ quan có thẩm quyền không cho phép.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Sở Giao thông Vận tải

1. Cơ quan thường trực, tổ chức giám sát việc thực hiện Quy định này và tổng hợp, đề xuất các biện pháp giải quyết các phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này.
2. Theo dõi quản lý hoạt động vận tải khách du lịch đường thủy nội địa thuộc địa phương, hàng quý báo cáo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, UBND tỉnh (trước ngày 20 của tháng cuối quý).
3. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Sở Du lịch tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường thủy trong hoạt động vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa thuộc địa phương mình.
4. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ an toàn giao thông cho nhân viên phục vụ trên phương tiện.
5. Tuyên truyền, giáo dục đội ngũ thuyền viên chấp hành các quy định của Nhà nước về giao thông đường thủy và các quy định về kinh doanh vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn.

Điều 16. Sở Du lịch

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển tàu, thuyền vận tải khách du lịch đường thủy nội địa theo định hướng, quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh.
2. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch cho các thuyền viên, người điều khiển phương tiện.
3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về bảo đảm an toàn cho khách du lịch của các phương tiện và tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa.
4. Thẩm định và công bố các tuyến, điểm, sản phẩm du lịch trên địa bàn.
5. Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phục vụ khách; các chất lượng, tiêu chuẩn về dịch vụ trên thuyền du lịch.
6. Xác nhận phương tiện đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch theo quy định.

Điều 17. Sở Văn hoá – Thể thao

1. Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Du lịch, các cơ quan, ban ngành và chính quyền địa phương liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành mẫu tàu, thuyền du lịch phù hợp với cảnh quan môi trường hoạt động.
2. Thực hiện việc quản lý nhà nước chuyên ngành về hoạt động ca Huế trên phương tiện theo quy định.

Điều 18. Công an tỉnh

1. Đảm bảo an ninh trật tự đối với hoạt động của thuyền du lịch; công tác phòng chống cháy nổ; quản lý lưu trú, và các lĩnh vực có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Là cơ quan thường trực cứu hộ, cứu nạn; chủ động phối hợp với các ngành, địa phương liên quan giải quyết các sự cố xảy ra trên đường thủy nội địa.

3. Chỉ đạo lực lượng công an phường xã tăng cường công tác phối hợp với ban quản lý bến thuyền du lịch để đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực bến.

4. Chỉ đạo Phòng cảnh sát đường thủy và các lực lượng công an tăng cường công tác tuần tra kiểm soát hoạt động của các phương tiện vận chuyển khách du lịch, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa.

Điều 19. Ban Quản lý bến thuyền du lịch

1. Thực hiện các quy định tại Điều 11, Điều 12 Quy định này.

2. Quản lý và chuẩn bị các điều kiện đảm bảo yêu cầu về an toàn, thuận tiện cho khách và thuyền du lịch ra, vào tại các bến thuyền du lịch.

3. Tổ chức hướng dẫn, giám sát chung các hoạt động của thuyền du lịch trong việc chấp hành quy định về hành trình, điểm neo đậu, bảo vệ cảnh quan môi trường trên, chất lượng dịch vụ các tuyến đường thủy nội địa.

4. Phối hợp với lực lượng công an, chính quyền địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tại khu vực bến thuyền du lịch.

Điều 20. Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước môi trường và thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Quy định này.

Điều 21. Sở Y tế

1. Quy định danh mục thuốc thông thường và thiết bị y tế trên thuyền du lịch.

2. Tổ chức tập huấn, cấp giấy chứng nhận về nghiệp vụ sơ, cấp cứu y tế; kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho thuyền viên thuyền du lịch.

Điều 22. Sở Tài chính

1. Chủ trì xây dựng quy định về mức giá tối thiểu cho hoạt động vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa.

2. Chủ trì việc quản lý về giá của các hoạt động kinh doanh phục vụ khách du lịch trên các tuyến đường thủy nội địa.

Điều 23. Cục Thuế tỉnh

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về thuế; công khai các thủ tục về thuế theo đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho cơ sở kinh doanh nộp thuế nhanh chóng, thuận tiện. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật thuế, phí và xử lý vi phạm theo đúng thẩm quyền.

2. Thực hiện các biện pháp quản lý thuế đối với hoạt động vận chuyển hành khách du lịch đường thủy nội địa.

Điều 24. UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận chuyển khách du lịch đường thủy nội địa trên địa bàn.

2. Kiểm tra, xử lý và chịu trách nhiệm về việc để các bến thuyền du lịch trên địa bàn hoạt động trái phép.

3. Tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường cho các chủ thuyền du lịch theo quy định; Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường của các thuyền du lịch.

4. Chủ trì trong việc chăm sóc, hỗ trợ ban đầu cho khách du lịch khi gặp nạn trên các tuyến đường thủy nội địa thuộc địa bàn quản lý.

Điều 25. Điều khoản thi hành

1. Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị phản ánh về Sở Giao thông Vận tải để nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**